

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-8-2022.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Phan Phụng Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:** Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1986 (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hiền L, sinh năm 1985 (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ ấp Minh Kiên A, xã Minh T, huyện U Minh Th, tỉnh K G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Hiền L (sau đây gọi tắt là chị T, anh L) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 20/4/2007. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không hợp. Anh L làm nghề buôn bán đồ tươi (hoa màu) và làm rẫy, anh L tự quản lý tiền riêng, không đưa cho vợ. Ngoài ra, anh L thường tụ tập bạn bè uống rượu và mỗi khi say rượu về nhà là gây sự với chị T. Anh L còn có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác. Sự việc cũng được chính quyền địa phương và gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành, nên vợ chồng ly thân từ tháng 12/2021 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T, anh L có 01 người con chung tên Phạm Tố Q, sinh ngày 08/9/2008, hiện con đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị T, anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Hiền L được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, theo đơn xin ly hôn ngày 08/12/2021 của anh L, chị T thống nhất thuận tình ly hôn.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn chị T kiên quyết xin ly hôn với anh L, lý do vợ chồng không còn tình thương, luôn bất đồng quan điểm sống; anh L có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh L có 01 người con chung Phạm Tố Q. Vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

#### **Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

*Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể, về hôn nhân cho chị T được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao con chung Phạm Tố Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng

đến khi cháu Q trưởng thành. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị T, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có, đề nghị HĐXX miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Phạm Hiền L. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn, nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn anh Phạm Hiền L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh L.

[3]. **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa Chị T và anh L là hợp pháp. Tại phiên tòa chị T trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L làm nghề buôn bán đồ tươi, tự quản lý tiền bạc riêng. Ngoài ra, anh L còn tụ tập bạn bè uống rượu, mỗi lần say rượu về nhà là cự cãi với chị T. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, nên ly thân từ tháng 12/2021. Đến ngày 08/12/2021 anh L, chị T làm đơn thống nhất thuận tình ly hôn. Tình trạng hôn nhân của chị T, anh L cũng được chính quyền địa phương và cha mẹ anh L là ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị H xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn với anh L, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh L không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị T được ly hôn với anh L.

[4]. **Về con chung:** Chị T, anh L có 01 người con chung Phạm Tố Q, sinh ngày 08/9/2008. Tại bản tự khai ngày 24/6/2022 và tại phiên tòa cháu Phạm Tố Q có nguyện vọng được sống với mẹ tên Nguyễn Thị Cẩm T khi cha mẹ ly hôn. Vợ chồng ly hôn chị T xin được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. HĐXX nhận thấy hiện cháu Q đang sống với chị T, được chị chăm sóc nuôi dưỡng tốt, nên HĐXX thống nhất giao con chung Phạm Tố Q cho chị T tiếp tục

nuôi dưỡng, cũng đúng với nguyện vọng của cháu Q. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Tài sản chung: Chị T, anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Chị T, anh L xác định vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[5]. **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003174 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T với anh Phạm Hiền L.

**2. Về con chung:** Giao con chung Phạm Tố Q, sinh ngày 08/9/2008 (giới tính nữ), hiện con đang sống với chị T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Hiền L có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Chị T, anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Chị T, anh L xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

#### **4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003174 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký, đóng dấu)

**Danh Hoàng**